

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN KIM THÀNH
TỈNH HẢI DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 32/2018/HNGĐ-ST

Ngày 24/10/2018

V/v Ly hôn, tranh chấp
về nuôi con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KIM THÀNH, TỈNH HẢI DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Sơn

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Quy

2. Ông Đào Xuân Tím

- Thư ký phiên tòa: Bà Đỗ Thị Hạnh - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Kim Thành, tỉnh Hải Dương

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Kim Thành, tỉnh Hải Dương tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Nhung - Kiểm sát viên

Ngày 24 tháng 10 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Kim Thành, tỉnh Hải Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 151/2018/TLST-HNGĐ ngày 19 tháng 6 năm 2018 về Ly hôn, tranh chấp về nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 35/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 08/10/2018 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Anh **Nguyễn Thuận T**, sinh năm 1984;

Địa chỉ: Thôn N, xã Đ, huyện K, tỉnh Hải Dương; vắng mặt.

2. *Bị đơn:* Chị **Đoàn Thị Y**, sinh năm 1980;

Đăng ký hộ khẩu thường trú: Thôn N, xã Đ, huyện K, tỉnh Hải Dương;

Nơi ở: Số x khu phố x, phường T, thành phố B, tỉnh Đồng Nai; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và các tài liệu có trong hồ sơ, nguyên đơn anh Nguyễn Thuận T trình bày: Anh và chị Đoàn Thị Y kết hôn trên cơ sở tự nguyện. Được đăng ký kết hôn tại UBND phường T, thành phố B, tỉnh Đồng Nai vào ngày 05/9/2006. Sau khi kết hôn anh chị chung sống hòa thuận đến đầu năm 2017 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng không hợp nhau, bất đồng quan điểm trong cuộc sống và trong cách nuôi dạy con cái. Cuộc sống vợ chồng luôn căng thẳng, không có hạnh phúc, vợ chồng không có sự tôn trọng và yêu thương nhau. Mặc dù anh chị đã được hai bên gia đình khuyên bảo, hòa giải nhiều lần nhưng tình cảm vợ chồng vẫn không thể hàn gắn được, mâu thuẫn càng trầm trọng. Anh chị ly thân nhau từ đầu năm 2017 cho tới nay, không ai còn quan tâm tới ai nữa. Nay anh xác định tình cảm vợ chồng không còn, không thể tiếp tục chung sống cùng nhau, vợ chồng không còn yêu thương tôn trọng nhau. Nay anh đề nghị được ly hôn với chị Đoàn Thị Y.

Tại bản tự khai, bị đơn chị Đoàn Thị Y trình bày: Về điều kiện và hoàn cảnh kết hôn đúng như anh T đã trình bày. Anh chị đã sống ly thân từ đầu năm 2017 cho tới nay. Nay, anh T làm đơn xin ly hôn, chị xác định vợ chồng không thể đoàn tụ được nên đồng ý ly hôn.

Về con chung: Anh T và chị Y có hai con chung là Nguyễn Thuận P, sinh ngày 23/2/2008 và Nguyễn Minh Th, sinh ngày 12/7/2015. Hiện, hai cháu ở cùng với chị Y. Chị Y xin được nuôi dưỡng cả hai cháu đến khi đủ 18 tuổi. Chị Y tự nguyện không yêu cầu anh T phải cấp dưỡng nuôi con, còn anh T có trách nhiệm với các con như thế nào là tùy lương tâm anh T. Anh T nhất trí yêu cầu nuôi con của chị Y và xác định khi nào có điều kiện anh sẽ chu cấp cho các cháu sau.

Về tài sản chung, nợ chung: Anh T và chị Y không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đại diện viện kiểm sát nhân dân huyện Kim Thành, tỉnh Hải Dương phát biểu quan điểm:

Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa thực hiện đúng thủ tục tố tụng; nguyên đơn, bị đơn chấp hành đúng pháp luật về tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử: Về hôn nhân, xử cho anh T được ly hôn chị Y. Về nuôi con, giao cháu Nguyễn Thuận P, sinh ngày 23/2/2008 và Nguyễn Minh Th, sinh ngày 12/7/2015 cho chị Đoàn Thị Y tiếp tục nuôi dưỡng đến khi trưởng thành đủ 18 tuổi; ghi nhận sự tự nguyện của chị

Y không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con chung. Về án phí, buộc anh T phải chịu án phí theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Anh T và chị Y có đơn lựa chọn giải quyết việc ly hôn tại Tòa án nhân dân huyện Kim Thành, tỉnh Hải Dương. Vì vậy, Tòa án nhân dân huyện Kim Thành, tỉnh Hải Dương có thẩm quyền giải quyết theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm b khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Anh T và chị Y có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Căn cứ khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vắng mặt anh T và chị Y.

[2] Về hôn nhân: Anh Nguyễn Thuận T và chị Đoàn Thị Y kết hôn vào năm 2006, việc kết hôn tuân thủ các điều kiện kết hôn theo luật định, được xác nhận là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn, anh chị chung sống đến đầu năm 2017 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do không hợp nhau, bất đồng quan điểm trong cuộc sống. Anh chị đã tự cắt đứt quan hệ về tình cảm và kinh tế từ đó đến nay. Anh T xác định tình cảm vợ chồng không còn và đề nghị xin được ly hôn, chị Y nhất trí. Như vậy, quan hệ hôn nhân giữa anh T và chị Y đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Vì vậy, Tòa án chấp nhận yêu cầu của anh Nguyễn Thuận T xin được ly hôn chị Đoàn Thị Y là phù hợp với Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[3] Về con chung: Anh T và chị Y có hai con chung là Nguyễn Thuận P, sinh ngày 23/2/2008 và Nguyễn Minh Th, sinh ngày 12/7/2015. Cả hai cháu đang ở với chị Y. Chị Y có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng hai cháu và không yêu cầu anh T phải cấp dưỡng nuôi con. Anh T nhất trí. Cháu Phong có nguyện vọng được ở với chị Y. Để đảm bảo quyền lợi về mọi mặt và sự phát triển ổn định của các cháu, Tòa án chấp nhận sự thỏa thuận của các đương sự. Giao cho chị Y được trực tiếp nuôi dưỡng cháu P và cháu Th đến khi trưởng thành đủ 18 tuổi là phù hợp với quy định tại Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Chấp nhận sự tự nguyện của chị Y không yêu cầu anh T phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung.

[4] Về tài sản chung, vay nợ chung: Anh Nguyễn Thuận T và chị Đoàn Thị Y không yêu cầu Tòa án phải giải quyết nên Tòa án không xét.

[5] Về án phí: Căn cứ Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Anh T có đơn yêu cầu ly hôn nên phải chịu án phí dân sự sơ thẩm ly hôn.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 56, các Điều 81, 82 và 83 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm b khoản 1 Điều 39, Điều 147 và khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về hôn nhân: Cho anh Nguyễn Thuận T được ly hôn chị Đoàn Thị Y.

2. Về con chung: Giao cháu Nguyễn Thuận P, sinh ngày 23/2/2008 và Nguyễn Minh Th, sinh ngày 12/7/2015 cho chị Đoàn Thị Yến trực tiếp nuôi dưỡng đến khi trưởng thành đủ 18 tuổi. Chấp nhận sự tự nguyện của chị Y về việc không yêu cầu anh T phải cấp dưỡng nuôi con chung. Anh T có quyền và nghĩa vụ thăm nom con, không ai được cản trở.

3. Án phí: Anh Nguyễn Thuận T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm ly hôn là 300.000 đồng, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai số: AA/2016/0000876 ngày 19/6/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Kim Thành, tỉnh Hải Dương. Anh Nguyễn Thuận T đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm ly hôn.

Các đương sự được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện Kim Thành, tỉnh Hải Dương;
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện Kim Thành, tỉnh Hải Dương;
- Ủy ban nhân dân phường Ta, TP. B, tỉnh Đồng Nai;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, văn phòng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Văn Sơn